

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 533/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2023
V/v tranh chấp xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Tý, ông Lê Văn Khanh

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thu Thương Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đặng M T, sinh năm: 19yy;

Địa chỉ: số cc đường H, Phường e, Quận g, Thành phố H.

Bị đơn: bà Phạm T T H, sinh năm: tt;

Địa chỉ: số zz đường 10, phường A, quận B, Thành phố H.

(Ông T và bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Đặng M T tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Khoảng năm 2009, ông Đặng M T và bà Phạm T T H quen biết và chung sống với nhau nên bà H mang thai, ông T nghĩ đó là con của ông T nên ông T và bà Phạm T T H đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số vv, quyền số mm do UBND xã Q, huyện B, Thành phố H cấp ngày gg/hh/jj.

Cuối năm 2009, bà H sinh con nên hai bên làm Giấy khai sinh cho trẻ Phạm N K L sinh ngày tt/yy/uu theo Giấy khai sinh số kk quyền số gg do UBND xã Q,

huyện B, Thành phố H cấp ngày rr/tt/yy với tên cha là Đặng M T, sinh năm 19ii và tên mẹ Phạm T T H, sinh năm 1975.

Đầu năm 2011, sau khi kết hôn và làm Giấy khai sinh thì ông T và bà H thường xuyên mâu thuẫn và bà H có nói là trẻ K L không phải là con của ông T.

Tại Tòa án, ông Đặng M T yêu cầu Tòa án xác định trẻ Phạm N K L, sinh ngày 20/12/2009 không phải là con của ông Đặng M T, sinh ngày 14/8/19ii.

Bị đơn là bà Phạm T T H trình bày:

Năm 2009, bà Phạm T T H và ông Đặng M T có quen nhau và bà H có mang thai. Sau đó bà H và ông T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số vv, quyền số mm do UBND xã Q, huyện B, Thành phố H cấp ngày gg/hh/jj.

Sau khi sinh con xong thì ông bà làm Giấy khai sinh cho trẻ Phạm N K L sinh ngày 20/12/2009 theo Giấy khai sinh số kk quyền số gg do UBND xã Q, huyện B, Thành phố H cấp ngày rr/tt/yy với tên cha là Đặng M T, sinh năm 19ii và tên mẹ Phạm T T H, sinh năm 1975.

Tại Tòa án, đối với yêu cầu của ông Đặng M T về việc yêu cầu Tòa án xác định trẻ Phạm N K L, sinh ngày 20/12/2009 không phải là con của ông Đặng M T, sinh ngày 14/8/19ii thì bà H không có ý kiến gì, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là ông Đặng M T và bị đơn là bà Phạm T T H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: xác định trẻ Phạm N K L không phải là con của ông Đặng M T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp về xác định cha cho con theo khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Bình Tân nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ông Đặng M T và bà Phạm T T H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số vv, quyền số mm do UBND xã Q, huyện B, Thành phố H cấp ngày gg/hh/jj. Ông T và bà H có 01 người con chung theo Giấy khai sinh số rr quyền số hh do UBND xã Q, huyện B, Thành phố H do UBND xã Q, huyện B, Thành phố H cấp ngày gg/hh/jj cho trẻ Phạm N K L sinh ngày 20/12/2009 với tên cha là Đặng M T, sinh năm 19ii và tên mẹ Phạm T T H, sinh năm 1975.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu CÔNG TY thực hiện việc giám định Gen (ADN) để xác định quan hệ huyết thống (Cha – Con) giữa ông Đặng M T và trẻ Phạm N K L. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 17/3/2023 của CÔNG TY kết luận: “Hai người trên không có quan hệ huyết thống cha - con”, kết quả phân tích ADN phù hợp với lời trình bày của ông Đặng M T.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định trẻ Phạm N K L không phải là con của ông Đặng M T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về chi phí giám định gen (AND): nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định gen (AND) đã được thực hiện tại Công ty, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả cho ông Đặng M T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số gg ngày gg/hh/jj của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 89, 101, 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng M T:

Xác định trẻ Phạm N K L sinh ngày 20/12/2009 không phải là con ruột của ông Đặng M T, sinh năm: 19ii, chứng minh nhân dân số 023421128, cấp ngày 13/3/2013 tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số cc đường H, Phường e, Quận g, Thành phố H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đặng M T được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả cho ông Đặng M T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010893 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: ông Đặng M T và bà Phạm T T H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký khai sinh;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
THẨM
- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

- Viện kiểm sát nhân dân q. GV;
- Chi cục Thi hành án dân sự q. GV;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Hương

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ 00 phút, ngày 18/5/2017

Tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Mai

2/ Ông Võ Thành Viên

Đã nghị án về vụ kiện tranh chấp: Ly hôn

Thụ lý số: 02/2017/TLST- HNGĐ ngày 03/01/2017

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, nghe đương sự trình bày - tranh luận- và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thống nhất, biểu quyết 3/3 những vấn đề sau đây:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Kim Hồng được ly hôn với ông Nguyễn Văn Minh

Chấm dứt quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số : 38/UB-CN Quyền số 01 ngày 13/6/1990 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lạc, huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp.

- Về con chung: Hiện 02 con chung Nguyễn Minh San – sinh năm 1986 và Nguyễn Minh Tôn – sinh năm 1988 đã trưởng thành nên Tòa không xét.

- Về tài sản chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số: 0017582 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H phải nộp thêm 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) tiền án phí.

Bà H và ông Minh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc lúc giờ 15 phút cùng ngày, các thành viên trong Hội đồng xét xử đọc lại thuận đúng và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân
tòa

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

